

Số: 12/BC-MNND

Nam Đồng, ngày 20 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 -2025

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non CL Nam Đồng

1.2. Địa chỉ trụ sở: Địa chỉ: Khu Khánh Hội, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại:

Email: hd-mnnamdong@haiduong.vn.edu

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương trực tiếp quản lý.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu Sứ Mạng:

*** Sứ mạng:**

Trường mầm non Nam Đồng đã và đang xây dựng một tập thể xuất sắc, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên những người thực hiện nhiệm vụ trồng người một cách nhiệt huyết và hiệu quả chương trình giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên xây dựng, tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

- Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

- Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

*** Tầm nhìn:**

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

- Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài phường, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.



*** Mục tiêu:**

- Xây dựng môi trường giáo dục theo hướng hiện đại, trong đó đề cao sự phát triển Mục tiêu của nhà trường Phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập trẻ mẫu giáo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Nam Đồng có 2 điểm trường gồm 19 nhóm, lớp. Được thành lập năm (Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc đổi tên trường Mầm non bán công Nam Đồng thành trường MN Nam Đồng và Quyết định số 1772/QĐ- UBND ngày 07/9/2012 của UBND TP Hải Dương v/v chuyển đổi trường MN Bán công sang Công lập).

Nhà trường được xây dựng tại 02 điểm trường với tổng diện tích là 5.924m². Trường gồm 19 phòng học và 19 phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ theo yêu cầu. Nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trải qua 65 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay trường đã được công nhận Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Quyết định số: 914/QĐ-SGDĐT ngày 16/8/2022 của Sở giáo dục và đào tạo Hải Dương về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận trường học đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2).

Nhà trường nhiều năm đạt tập thể Lao động Tiên tiến, được Ủy ban nhân dân thành phố tặng giấy khen và tập thể Lao động Xuất sắc.

Chi ủy, Chi bộ hàng năm được Đảng bộ xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2024 chi bộ được Đảng ủy phường tặng giấy khen và được công nhận chi bộ hoàn thành XS nhiệm vụ, tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được Trường Mầm non Nam Đồng luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Yến - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nam Đồng

Điện thoại: 0378599820

Email: Vietphuongnguyen7272@gmail.com

1.7 Tổ chức bộ máy

Trường chuyển từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập theo Quyết định số 1772/QĐ- UBND ngày 07/9/2012 của UBND TP Hải Dương v/v chuyển đổi trường MN Bán công sang Công lập.

Quyết định số 557/QĐ- PGDĐT ngày 4 tháng 10 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Dương về việc Công nhận Hội đồng trường Mầm non Nam Đồng nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Thị Yến	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Vương Thị Linh	TTCM	Thư ký HĐ
3	Lê Thị Luyện	CTCĐ	
4	Phạm Thị Vân	TTCM	Thành viên
5	Trần Thị Khuyên	TTCM	Thành viên
6	Phạm Thị Quỳnh Liên	TTCM	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hào	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
8	Đỗ Thị Yến	Trưởng Ban đại diện CMHS	Thành viên
9	Nguyễn Văn Trãi	Phó CTUBND phường	Thành viên

PHÓ
TRƯỞNG
MẦM NON
CÓ
AM Đ
AN * E

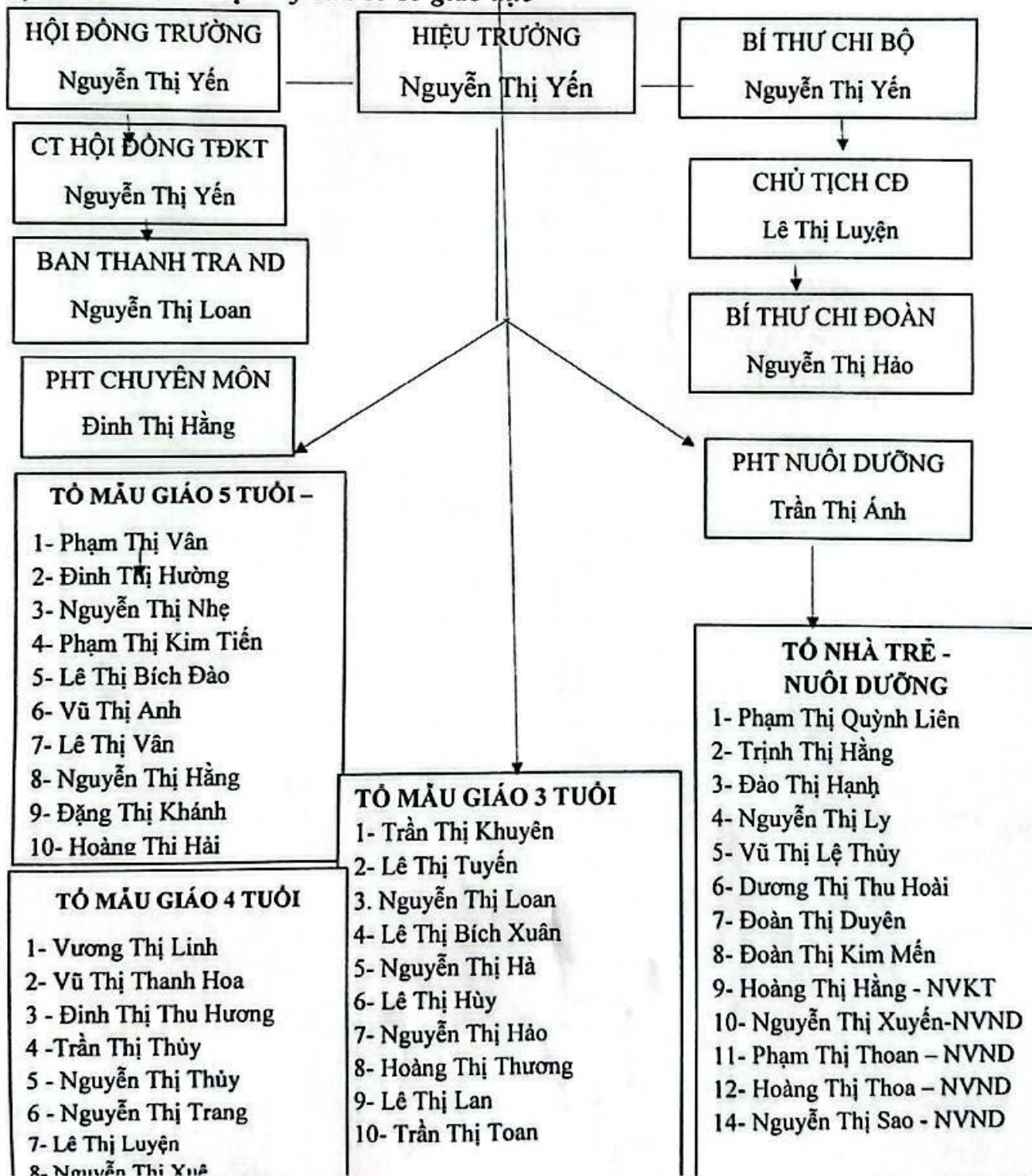
- Đồng chí Nguyễn Thị Yến được điều động, luân chuyển và bổ nhiệm làm Hiệu trưởng theo Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Dương;

- Đồng chí Trần Thị Ánh được điều động, luân chuyển và bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định 3448/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Dương;

- Đồng chí Đinh Thị Hằng được bổ nhiệm lại làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định 1590/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND TP Hải Dương;

Nhà trường có quy chế tổ chức hoạt động, phân công chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho từng thành viên trong ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và các thành viên trong tổ. Nhà trường có kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và kế hoạch ngắn hạn, có quy chế dân chủ, các nghị quyết của Hội đồng trường, các quy định về quản lý nhân sự, hành chính, tài chính.

d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			ThS	ĐH	CĐ	TC
	Tổng số CBQL, GV, NV	49	0	23	5	0
I	Giáo viên	38	0	19	5	0
1	Nhà trẻ	8	0	8	0	0
2	Mẫu giáo	30	1	26	2	1
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0
III	Nhân viên	8	0	1	0	0
1	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0
2	NV nuôi dưỡng	4				1
3	Bảo vệ	2				
4	Lao công	1				

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý	3	3
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	37	37

	Tỷ lệ	100%	97,4%
--	-------	------	-------

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	37	38
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng	1	1
	Tỷ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm 2024 - 2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	5.924 m ²	- Đảm bảo
	Điểm trường	02	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	12,8 m ²	Đảm bảo
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	19	
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	19	
	Phòng vệ sinh	19	
	Phòng ngủ	0	
	Phòng khác (Kho)	19	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập	5	
	Thư viện	0	

	Phòng (nghệ thuật)	1	
	Phòng đa năng	2	
	Phòng khác (Phòng tin học)	0	
	Phòng GDTC	2	
2.3	Khối phòng tổ chức ăn	3	
	Nhà bếp	2	
	Nhà kho	1	
	Phòng khác	0	
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị	8	
	Phòng hiệu trưởng	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	2	
	Văn phòng trường	1	
	Phòng hành chính quản trị	1	
	Phòng bảo vệ	2	
	Phòng y tế	1	
	Phòng khác (kho)	0	
2.5	Khối công trình công cộng		
1	Nhà xe giáo viên	2	
2	Phòng khác	0	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	19	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời.	7	
6	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (máy tính)	5	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) *Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.*

- Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Nam Đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

Kết quả đánh giá và công nhận:

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ (Quyết định số 914/QĐ-SGDDT ngày 16/8/2022).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022)

Năm học 2024- 2025 tiếp tục chỉ đạo Cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến đảm bảo chất lượng giáo dục.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

- Năm học 2023-2024 nhà trường có 20 nhóm lớp (trong đó có 16 lớp mẫu giáo, 4 nhóm nhà trẻ) với tổng số học sinh 499 (trong đó học sinh mẫu giáo 425 đạt 100% phổ cập, học sinh nhà trẻ 74 đạt 32% phổ cập). Bình quân 25 học sinh/ nhóm lớp; số trẻ em học 2 buổi/ngày: 499 đạt 100%; 97% trẻ được nuôi ăn bán trú, 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.

2. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời tích hợp chương trình giáo dục STEM, STEAM, một cách hài hòa vào chương trình giáo dục của nhà trường. Chất lượng các hoạt động giáo dục theo các lĩnh vực ở các lớp mẫu giáo đạt tỷ lệ 98%, các lớp nhà trẻ đạt tỷ lệ 94%. Chất lượng tổ chức các hoạt động ngày hội ngày lễ đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ bé chăm ngoan, sạch đạt tỷ lệ 94%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí 6 tháng đầu năm 2025 chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Quyết toán
A.	Tổng số thu, chi tiền học phí	
1	Số thu phí, lệ phí	411.148.744
a	Học phí dư năm 2024 tại kho bạc	200.893.744
b	Học phí	210.255.000
c	Thu từ cấp bù học phí	

2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	318.754.604
2.1	Chi giáo dục mầm non	318.754.604
a	Chi cho con người	26.488.000
b	Chi cho hoạt động	292.266.604
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.201.325.000
1	Chi giáo dục mầm non	3.339.125.391
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.339.125.391
a	Chi cho con người	3.332.679.391
b	Chi hoạt động	50.596.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.850.000
a	Cấp bù miễn giảm học phí	4.050.000
b	Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	8.800.000
c	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ hộ chính sách	3.000.000
d	Chi hoạt động	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về miễn giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội 5 tháng năm 2025.

STT	Nội dung	Số tiền
1	Đối tượng miễn, giảm học phí theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ	4.050.000
2	Hỗ trợ ăn trưa 3,4,5 tuổi	8.800.000
3	Hỗ trợ chi phí học tập	3.000.000

3. Số dư các quỹ ngày 15/06/2025

- Quỹ tiền mặt: 0 đồng



4. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025:

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung chi		Mức thu	Số tiền thu	Số tiền chi	Trả lại PH	Dư chuyển sang năm sau
1	Bắt buộc	Học phí	MG:135.000đ/T NT: 165.000đ/T	365.460.000	339.302.215		26.157.785
2	Thỏa thuận	Mua bổ sung đồ dùng bán trú	Trẻ mới đi học lần đầu: 200.000đ/trẻ/năm	15.000.000	11.720.000		3.280.000
		Phụ phí, Tiền điện, nước, chất đốt, tẩy rửa...	55.000đ/trẻ/tháng	190.905.000	190.905.000	0	0
		Tiền ăn hàng ngày của trẻ	23.000đ/trẻ/ngày	1.842.093.000			0
		Tiền công thuê cô nấu và CBGVNV trực trưa	290.000đ/trẻ/tháng	1.029.460.000	1.029.460.000		0
		Tiền nước uống tinh khiết	5.000đ/ trẻ/ tháng	11.075.000	9.279.360		4.166.830
		Tiền đồ dùng vệ sinh	20.000đ/ trẻ/ tháng	70.875.000	70.875.000	0	0
3		Tiền học thứ 7	50.000đ/ngày	382.972.000	382.972.000	0	0
4	Thu hộ	Học phẩm, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	MG 5T: 200.000đ/trẻ/năm - MG 4T: 200.000đ/trẻ/năm - MG 3T: 200.000đ/trẻ/năm - NT: 150.000đ/trẻ/năm	85.650.000	85.650.000	0	0

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc nhà nước ngày 15/06/2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền(Đồng)	Ghi chú
-----	----------	-----	---------------	---------

1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư quỹ tiền gửi	Đồng		
2.1	Tiền gửi học phí	Đồng	53.160.566	
2.2	Tiền gửi khác	Đồng	31.763.193	

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025 và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện.

Thực hiện tốt đề án phát triển giáo dục của UBND thành phố Hải Dương

Đến thời điểm hiện tại kế hoạch của nhà trường, đề án của UBND thành phố thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía phụ huynh, CB, GV, NV và các mạnh thường quân hỗ trợ. Trong năm học các cháu thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn mỗi tháng nhận 1 thùng sữa tươi do gia đình Anh chị Thắng Diệp tài trợ. Nhà trường nhận được 60.000.000đ do Công ty Xăng dầu Hải Dương hỗ trợ để bổ sung cơ sở vật chất và đồ dùng phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục của trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như: tài chính, quản lý mầm non, phổ cập, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm bán trú ...



Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các

cấp lãnh đạo. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 theo Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Báo cáo này triển khai đến CB, GV, NV và được công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.



TRƯỜNG

Nguyễn Thị Yến